



TẠP CHÍ

# KIỂM SÁT

NĂM THỨ 65 **VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO**

09

2026

ISSN 0866 - 7357

TỰ HÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC KIỂM SÁT - CÁI NÔI ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG  
NGUỒN CÁN BỘ CHẤT LƯỢNG CAO CỦA NGÀNH KIỂM SÁT NHÂN DÂN

TIẾP TỤC ĐỔI MỚI MẠNH MỀ TƯ DUY VÀ HOÀN THIỆN THỂ CHẾ  
PHÁP LUẬT TƯ PHÁP TRONG KỶ NGUYÊN PHÁT TRIỂN MỚI (KỲ II VÀ HẾT)



[www.kiemsat.vn](http://www.kiemsat.vn)



Thông tin Kiểm sát



[banbientap@kiemsat.vn](mailto:banbientap@kiemsat.vn)



# TẠP CHÍ KIỂM SÁT

Phát hành ngày 05/5/2026



## MỤC LỤC

### SỰ KIỆN - VẤN ĐỀ

- 3 Tự hào Trường Đại học Kiểm sát - Cái nôi đào tạo, bồi dưỡng nguồn cán bộ chất lượng cao của ngành Kiểm sát nhân dân .....**Nguyễn Văn Khoát - Nguyễn Văn Nông**

### NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- 15 Tiếp tục đổi mới mạnh mẽ tư duy và hoàn thiện thể chế pháp luật tư pháp trong kỷ nguyên phát triển mới (Kỳ II và hết).....**Võ Khánh Vinh**
- 23 Hoàn thiện khái niệm chứng cứ điện tử trong tố tụng hình sự từ kinh nghiệm quốc tế.....**Đỗ Văn Thường**
- 30 Bàn về Tội sử dụng trái phép chất ma túy trong Bộ luật Hình sự .....**Trần Ngọc Minh**
- 36 Thách thức pháp lý trong kiểm soát hành vi lạm dụng quyền lực thị trường của các nền tảng số.....**Trần Nhân Chính**
- 43 Nhận diện pháp nhân thương mại - Một số bất cập và kiến nghị hoàn thiện.....**Vũ Quảng**

### CÔNG TÁC KIỂM SÁT

- 51 Chứng minh tội phạm rửa tiền - Thực tiễn và kiến nghị nâng cao chất lượng công tác kiểm sát.....**Cao Anh Đức - Nguyễn Thị Minh Hiền**

### THÔNG TIN KHOA HỌC

- 59 Cách tiếp cận hoạt động tương trợ tư pháp hình sự của Liên minh Châu Âu và khuyến nghị cho Việt Nam.....**Nguyễn Thanh Liêm**

#### HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP:

##### Chủ tịch:

TS. NGUYỄN QUANG DŨNG

##### Phó Chủ tịch:

TS. TÔN THIÊN PHƯƠNG

##### Ủy viên:

PGS.TS. NGUYỄN ĐỨC HẠNH  
TS. HOÀNG THỊ QUỲNH CHI  
TS. LAI VIẾT QUANG  
TS. LÊ MINH LONG  
TS. NGUYỄN VĂN KHOÁT  
TS. NGUYỄN QUỐC HÂN  
GS.TS. NGUYỄN QUỐC SỬU  
GS.TSKH. ĐÀO TRÍ ÚC  
GS.TS. VÕ KHÁNH VINH  
GS.TSKH. LÊ VĂN CẨM  
GS.TS. VŨ CÔNG GIAO  
PGS.TS. TÔ VĂN HÒA  
PGS.TS. PHẠM MINH TUYẾN  
PGS.TS. TRINH TIẾN VIỆT  
PGS.TS. TƯỜNG DUY KIẾN  
PGS.TS. NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HOA  
PGS.TS. CAO THỊ OANH  
PGS.TS. ĐINH THỊ MAI  
Ông KONO RYUZO  
ThS. NGUYỄN THỊ THU HẢI (Ủy viên Thư ký)

#### TỔNG BIÊN TẬP:

TS. TÔN THIÊN PHƯƠNG

#### PHÓ TỔNG BIÊN TẬP:

ThS. HOÀNG THẾ ANH

#### TRỤ SỞ TÒA SOẠN:

Số 9 Phạm Văn Bạch, Cầu Giấy, Hà Nội

**Điện thoại và fax:** (024) 39361633

(024) 38255058/824032

Giấy phép xuất bản số 326/GP-BTTTT  
của Bộ Thông tin và Truyền thông cấp  
ngày 29/7/2020



**Thiết kế và chế bản:** Ngân Hà

In tại Công ty cổ phần in Công đoàn Việt Nam

Giá: 30.000 đồng.



## CONTENTS

### OUTSTANDING NEWS

- 3 Pride in Procuratorate University - The cradle for training and fostering high-quality officials of the People's Procuracy sector .....**Nguyen Van Khoat - Nguyen Van Nong**

### RESEARCH - OPINION EXCHANGE

- 15 Continuing to strongly innovate the mindset on completing judicial legal institutions in the new era of development (Part II and the end).....**Vo Khanh Vinh**
- 23 Refining the concept of electronic evidence in criminal proceedings from international experience....**Do Van Thuong**
- 30 Discussion on the crime of illicit drug use in the penal code .....**Tran Ngoc Minh**
- 36 Legal challenges in controlling the activity of abuse of market power by digital platforms.....**Tran Nhan Chinh**
- 43 Identifying commercial legal entities - Some inadequacies and recommendations for improvement.....**Vu Quang**

### PROCURATORIAL ACTIVITIES

- 51 Proving money laundering crimes - Practical realities and recommendations to enhance the quality of prosecutorial work .....**Cao Anh Duc - Nguyen Thi Minh Hien**

### SCIENTIFIC INFORMATION

- 59 The European Union's approach to mutual legal assistance in criminal matters and recommendations for Vietnam.....**Nguyen Thanh Liem**

#### EDITORIAL BOARD:

##### Chairman:

PhD. NGUYEN QUANG DUNG

##### Vice chairman:

PhD. TON THIEN PHUONG

##### Senior Excutive Editors:

Assoc. Prof. PhD. NGUYEN DUC HANH

PhD. HOANG THI QUYNH CHI

PhD. LAI VIET QUANG

PhD. LE MINH LONG

PhD. NGUYEN VAN KHOAT

PhD. NGUYEN QUOC HAN

Prof. PhD. NGUYEN QUOC SUU

Prof. ScD. DAO TRI UC

Prof. PhD. VO KHANH VINH

Prof. ScD. LE VAN CAM

Prof. PhD. VU CONG GIAO

Assoc. Prof. PhD. TO VAN HOA

Assoc. Prof. PhD. PHAM MINH TUYEN

Assoc. Prof. PhD. TRINH TIEN VIET

Assoc. Prof. PhD. TUONG DUY KIEN

Assoc. Prof. PhD. NGUYEN THI PHUONG HOA

Assoc. Prof. PhD. CAO THI OANH

Assoc. Prof. PhD. DINH THI MAI

Mr. KONO RYUZO

MA. NGUYEN THI THU HAI (Secretary)

##### Editor-in-Chief:

PhD. TON THIEN PHUONG

##### Deputy Editor-in-Chief:

MA. HOANG THE ANH

##### Editorial Office:

No. 9 Pham Van Bach, Cau Giay, Ha Noi

Tel/Fax: (024) 39361633

(024) 38255058/824032

License of publication:

No.326/GP-BTTTT Dated on July 29th, 2020 by the Ministry of Information and Communications



Designer: Ngan Ha

Printed at Vietnam Trade Union Printing Joint Stock Company

Price: VND 30,000.

# HOÀN THIỆN KHÁI NIỆM CHỨNG CỨ ĐIỆN TỬ TRONG TỔ TỤNG HÌNH SỰ TỪ KINH NGHIỆM QUỐC TẾ

ĐỖ VĂN THƯỜNG\*

**Tóm tắt:** Trong tiến trình chuyển đổi số, chứng cứ điện tử đóng vai trò quan trọng trong hoạt động tố tụng hình sự, đặt ra yêu cầu cấp thiết phải hoàn thiện khung pháp lý về chứng cứ điện tử. Bài viết phân tích kinh nghiệm quốc tế về cách tiếp cận khái niệm, giá trị của chứng cứ điện tử và so sánh với quy định của pháp luật Việt Nam, trên cơ sở đó đề xuất hoàn thiện một số quy định về chứng cứ điện tử của Bộ luật Tố tụng hình sự phù hợp với thực tiễn, đáp ứng yêu cầu công tác đấu tranh phòng, chống tội phạm.

Từ khóa: Chứng cứ điện tử; dữ liệu điện tử; tố tụng số; tố tụng hình sự.  
Nhận bài: 17/4/2026; biên tập xong: 20/4/2026; duyệt bài: 22/4/2026.

## REFINING THE CONCEPT OF ELECTRONIC EVIDENCE IN CRIMINAL PROCEEDINGS FROM INTERNATIONAL EXPERIENCE

**Abstract:** In the process of digital transformation, electronic evidence plays an important role in criminal proceedings, posing an urgent requirement to refine the legal framework on electronic evidence. This article analyzes international experiences regarding the approach to the concept and the evidentiary value of electronic evidence and compares them with the provisions of Vietnamese law. On that basis, it proposes solutions to complete some provisions of electronic evidence on the Criminal Procedure Code in accordance with practical realities, meeting the requirements of crime prevention and combat.

Keywords: Electronic evidence; electronic data; digital proceedings; criminal proceedings.  
Received: Apr 17<sup>th</sup>, 2026; editing completed: Apr 20<sup>th</sup>, 2026; accepted for publication: Apr 22<sup>nd</sup>, 2026.

### 1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và tiến trình chuyển đổi số quốc gia, một số phương thức hoạt động tố tụng hình sự cần có sự chuyển đổi từ mô hình truyền thống sang mô hình tố tụng số, hiện đại, minh bạch và hiệu quả. Yêu cầu này không chỉ xuất phát từ sự phát triển của khoa học - công nghệ,

mà còn được xác lập rõ trong các định hướng lớn, như: Nghị quyết số 27-NQ/TW, ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong

\*Thạc sĩ, Viện kiểm sát nhân dân tối cao.  
Email: vanthuongtk2016@gmail.com.

giai đoạn mới<sup>1</sup>; Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia đã đặt ra yêu cầu: “Hoàn thành xây dựng, kết nối, chia sẻ đồng bộ cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu các ngành; khai thác và sử dụng có hiệu quả tài nguyên số, dữ liệu số, hình thành sản giao dịch dữ liệu. Phát triển Chính phủ số, kinh tế số, xã hội số, công dân số, công nghiệp văn hoá số đạt mức cao của thế giới”, cũng như việc triển khai Đề án chuyển đổi số trong hoạt động tổ tụng hình sự theo Quyết định số 422/QĐ-TTg ngày 10/3/2026 của Thủ tướng Chính phủ. Theo đó, dữ liệu điện tử (DLĐT) ngày càng xuất hiện phổ biến trong toàn bộ quá trình tố tụng, trở thành nguồn thông tin, dữ liệu quan trọng phục vụ hoạt động chứng minh tội phạm. Tuy nhiên, pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay vẫn chưa xác lập đầy đủ, đồng bộ và quy định cụ thể về chứng cứ điện tử, dẫn đến khó khăn trong thực tiễn áp dụng pháp luật cũng như trong công tác hợp tác quốc tế đấu tranh phòng, chống tội phạm. Vì vậy, việc nghiên cứu kinh nghiệm quốc tế nhằm xác lập khái niệm chứng cứ điện tử một cách khoa học, đầy đủ, từ đó đề xuất định hướng hoàn thiện chế định chứng cứ điện tử trong tố tụng

hình sự là yêu cầu có ý nghĩa cấp thiết cả về lý luận và thực tiễn.

## **2. Kinh nghiệm quốc tế về xác lập khái niệm và “địa vị pháp lý” của chứng cứ điện tử**

### **2.1. Quy định về chứng cứ điện tử của Liên minh Châu Âu (EU)**

Trong khuôn khổ pháp luật của Liên minh Châu Âu, khái niệm chứng cứ điện tử không được xây dựng theo hướng lý luận pháp lý truyền thống, mà được tiếp cận theo hướng chức năng. Cụ thể, theo Quy định (EU) 2023/1543 và Chỉ thị (EU) 2023/1544 về chứng cứ điện tử trong tố tụng hình sự, thì: “Chứng cứ điện tử là dữ liệu được lưu trữ dưới dạng điện tử bởi hoặc do nhà cung cấp dịch vụ lưu trữ và được sử dụng nhằm mục đích điều tra, truy tố tội phạm”. Theo đó, chứng cứ điện tử gồm: (i) Dữ liệu nhận dạng người dùng như địa chỉ IP, dữ liệu thời gian và thông tin liên quan; (ii) Dữ liệu được tạo lập bởi nhà cung cấp dịch vụ viễn thông, internet liên quan đến nguồn phát, định dạng, giao thức và dữ liệu gắn với việc đăng nhập, đăng xuất dịch vụ; (iii) Dữ liệu danh tính khách hàng đăng ký sử dụng dịch vụ viễn thông, internet; (iv) Dữ liệu nội dung dưới thể thức điện tử như văn bản, âm thanh, video, hình ảnh. Đồng thời, EU đặc biệt nhấn mạnh vai trò của các nhà cung cấp dịch vụ trong việc lưu trữ và cung cấp chứng cứ điện tử, nhất là trong bối cảnh chứng cứ nằm ngoài lãnh thổ quốc gia. Điều này phản ánh rõ đặc trưng của mô hình “chứng cứ lấy dữ liệu làm trung

1. Mục 7 Phần IV Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII nhấn mạnh nhiệm vụ: “Xây dựng chế định tố tụng tư pháp... bảo đảm tố tụng tư pháp dân chủ, công bằng, văn minh, pháp quyền, hiện đại, nghiêm minh, dễ tiếp cận”.

tâm”, trong đó dữ liệu không chỉ là nguồn của chứng cứ mà còn là đối tượng điều chỉnh trực tiếp của pháp luật tố tụng.

## 2.2. Quy định về chứng cứ điện tử của các quốc gia

Việc xác lập khái niệm và địa vị pháp lý của chứng cứ điện tử được các quốc gia tiếp cận theo những mô hình khác nhau. Tuy nhiên, có thể khái quát theo hai xu hướng điển hình: Mô hình thông luật (common law) và mô hình dân luật (civil law). Việc phân tích hai mô hình pháp luật này không chỉ giúp làm rõ cách thức các hệ thống pháp luật tiếp cận chứng cứ điện tử, mà còn cung cấp cơ sở lý luận và thực tiễn trực tiếp cho việc hoàn thiện pháp luật Việt Nam, cụ thể:

### - Mô hình thông luật (common law):

Trong mô hình common law, chứng cứ điện tử được thừa nhận rõ ràng như một dạng chứng cứ độc lập, với trọng tâm là tính chấp nhận được của chứng cứ.

Tại Hoa Kỳ, hệ thống quy tắc chứng cứ liên bang không định nghĩa trực tiếp chứng cứ điện tử như một loại riêng biệt, nhưng trên thực tế đã thừa nhận rộng rãi thông qua các quy định về ghi chép, ghi âm và ghi hình tại Quy tắc 1001. Quy tắc 1001(d) quy định: “Bản gốc của thông tin được lưu trữ điện tử được hiểu là bất kỳ bản in hoặc dạng đầu ra nào khác có thể đọc được bằng mắt, miễn là phản ánh chính xác nội dung thông tin”<sup>2</sup>. Quy định này cho thấy DLĐT được coi là nguồn

chứng cứ hợp lệ nếu có thể được tái hiện một cách chính xác.

Đồng thời, yêu cầu về xác thực được quy định tại Quy tắc 901(a): “Bên đưa ra chứng cứ phải cung cấp đủ căn cứ để chứng minh rằng đối tượng chứng cứ chính là những gì mà bên đó khẳng định”<sup>3</sup>. Điều này đặt ra tiêu chuẩn cốt lõi đối với chứng cứ điện tử: Không chỉ tồn tại, mà phải chứng minh được tính xác thực và độ tin cậy của nguồn dữ liệu.

Tương tự, tại Vương quốc Anh đã loại bỏ các rào cản truyền thống đối với chứng cứ dạng hearsay (chứng cứ gián tiếp), đồng thời thừa nhận rộng rãi DLĐT. Đặc biệt, quy định Tòa án phải xem xét độ tin cậy của chứng cứ: “Khi đánh giá giá trị chứng cứ, Tòa án phải xem xét, trong đó bao gồm: (i) Liệu thông tin có được cung cấp đồng thời với sự kiện hoặc tình trạng được đề cập hay không; (ii) Liệu người cung cấp thông tin có động cơ che giấu hoặc trình bày sai lệch thông tin hay không”<sup>4</sup>.

Ở Singapore, các quy định cụ thể về chứng cứ điện tử đã được bổ sung, trong đó bao gồm quy định về tính chấp nhận của dữ liệu máy tính, yêu cầu chứng minh hệ thống hoạt động bình thường và dữ liệu được tạo lập trong quá trình hoạt động thông thường<sup>5</sup>. Điều này cho thấy sự nhấn mạnh vào độ tin cậy của hệ thống như một yếu tố cấu thành giá trị chứng cứ.

3. Quy tắc 901(a), Quy tắc Chứng cứ Liên bang Hoa Kỳ.

4. Điều 8, Đạo luật Chứng cứ năm 1995 Vương quốc Anh.

5. Điều 35 (Chương 97), Đạo luật Chứng cứ của Singapore.

2. Quy tắc 1001(d), Quy tắc Chứng cứ Liên bang Hoa Kỳ.

Như vậy, trong mô hình common law, mặc dù không phải lúc nào cũng tách biệt về mặt khái niệm, nhưng trên thực tế, chứng cứ điện tử đã được thừa nhận như một loại chứng cứ độc lập, với các tiêu chí đánh giá riêng, đặc biệt tập trung vào tính xác thực và độ tin cậy. Trọng tâm không nằm ở hình thức tồn tại của chứng cứ, mà ở khả năng được chấp nhận và sử dụng trong quá trình tố tụng.

- *Mô hình dân luật (civil law):*

Trong mô hình civil law, chứng cứ điện tử thường được quy định theo logic nguồn chứng cứ, gắn với tài liệu điện tử và chữ ký số, thay vì xác lập như một loại chứng cứ độc lập.

Tại Cộng hòa Pháp đã ghi nhận giá trị pháp lý của dữ liệu điện tử: “Văn bản điện tử có giá trị chứng minh tương đương với văn bản trên giấy, với điều kiện có thể xác định một cách hợp lệ người tạo lập và văn bản đó được lập và lưu giữ trong những điều kiện bảo đảm tính toàn vẹn” (văn bản điện tử có giá trị chứng minh như văn bản giấy, với điều kiện xác định được chủ thể tạo lập và bảo đảm tính toàn vẹn). Quy định này cho thấy cách tiếp cận điển hình của hệ thống dân luật: Không tách chứng cứ điện tử thành một loại riêng, mà coi đó là một dạng “tài liệu”, với các điều kiện bổ sung về xác thực và toàn vẹn. Ở Cộng hòa Liên bang Đức cũng tiếp cận theo hướng tương tự khi tài liệu điện tử có thể được sử dụng làm chứng cứ nếu được ký số hợp lệ. Trọng tâm ở đây là giá trị pháp lý của hình thức thể hiện, đặc biệt là

chữ ký số. Ở Nhật Bản và Hàn Quốc, pháp luật cũng phát triển theo hướng gắn chứng cứ điện tử với hệ thống tài liệu điện tử và chữ ký số. Ví dụ, Luật về chữ ký điện tử và dịch vụ chứng thực của Nhật Bản quy định DLĐT có chữ ký điện tử hợp lệ được do chính chủ thể ký tạo ra. Đây là cơ sở để nâng cao giá trị chứng minh của DLĐT trong tố tụng.

Có thể thấy, trong mô hình civil law, chứng cứ điện tử không được tách thành một loại chế định độc lập, mà được “hòa đồng” vào hệ thống nguồn chứng cứ truyền thống, đặc biệt là chứng cứ tài liệu, với sự bổ sung các điều kiện về tính toàn vẹn, xác thực và chữ ký số.

### **2.3. Giá trị tham khảo cho Việt Nam**

Từ các phân tích nêu trên, có thể rút ra một số kinh nghiệm có ý nghĩa trong việc hoàn thiện các quy định về nhận thức chung chứng cứ điện tử, cụ thể:

*Thứ nhất*, cả hai mô hình pháp luật đều thừa nhận thực tế rằng DLĐT cần phải được sử dụng làm chứng cứ trong tố tụng. Tuy nhiên, cách thức thừa nhận khác nhau: Mô hình common law thiên về thực tiễn và tiêu chí đánh giá, trong khi mô hình civil law thiên về hình thức pháp lý và cấu trúc nguồn chứng cứ.

*Thứ hai*, dù theo cách tiếp cận nào, một điểm chung cốt lõi là các hệ thống pháp luật đều phân biệt rõ giữa “dữ liệu” (data) và “chứng cứ”. Dữ liệu điện tử chỉ trở thành chứng cứ khi đáp ứng các điều kiện nhất định về tính xác thực, toàn vẹn và liên quan.

*Thứ ba*, kinh nghiệm quốc tế cho thấy việc không tách bạch giữa DLĐT và chứng cứ điện tử dễ dẫn đến sự nhầm lẫn trong áp dụng pháp luật, đặc biệt trong việc đánh giá giá trị chứng minh và bảo đảm quyền tranh tụng.

Do đó, đối với việc hoàn thiện quy định về chứng cứ điện tử, trước hết phải xác lập rõ ràng khái niệm và địa vị pháp lý của chứng cứ điện tử theo hướng tách bạch giữa DLĐT và chứng cứ điện tử, đồng thời quy định chứng cứ điện tử là một loại chứng cứ trong Bộ luật Tố tụng hình sự.

### **3. Vấn đề đặt ra hoàn thiện khái niệm chứng cứ điện tử trong tố tụng hình sự Việt Nam**

Hiện nay, DLĐT trong pháp luật tố tụng hình sự đã được ghi nhận như một nguồn chứng cứ, nhưng cách tiếp cận về mặt khái niệm và cấu trúc pháp lý vẫn còn nhiều bất cập, chưa đáp ứng yêu cầu của môi trường số, cụ thể:

*Thứ nhất*, pháp luật hiện hành chưa xác lập một cách rõ ràng khái niệm về chứng cứ điện tử. Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung các năm 2021, 2024 và 2025 (BLTTHS năm 2015) không sử dụng thuật ngữ này, mà chỉ quy định: Dữ liệu điện tử là một nguồn chứng cứ (Điều 87), đồng thời định nghĩa DLĐT tại Điều 99 là các thông tin dưới dạng ký hiệu, chữ viết, chữ số, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được tạo lập, lưu trữ, truyền đưa hoặc nhận bằng phương tiện điện tử. Cách quy định này cho thấy pháp luật mới dừng lại ở việc

nhận diện nguồn thông tin, mà chưa xác lập một khái niệm pháp lý hoàn chỉnh về chứng cứ điện tử với tư cách là kết quả của quá trình kiểm tra, đánh giá và xác thực trong tố tụng.

*Thứ hai*, chưa có sự tách bạch giữa DLĐT và chứng cứ điện tử, dẫn đến sự nhầm lẫn giữa thông tin thô và chứng cứ đã được kiểm chứng. Trong khi đó, về bản chất, DLĐT chỉ là nguồn tiềm năng của chứng cứ; chỉ khi được thu thập hợp pháp, kiểm tra, xác thực và đánh giá theo các tiêu chí tố tụng thì mới có thể trở thành chứng cứ. Sự thiếu phân định này làm giảm tính chặt chẽ trong hoạt động chứng minh, đồng thời gây khó khăn cho việc thu giữ, quản lý, bảo quản, sử dụng, tính xác thực của chứng cứ, đặc biệt khi đánh giá giá trị chứng minh của dữ liệu.

*Thứ ba*, pháp luật hiện hành chưa quy định cụ thể các tiêu chí và cơ chế chuyển hóa từ DLĐT thành chứng cứ điện tử. Mặc dù BLTTHS năm 2015 có quy định về thu thập, thu giữ, niêm phong và giám định DLĐT (các điều 107, 196, 199...), nhưng chưa thiết lập một quy trình pháp lý đầy đủ để bảo đảm tính xác thực, toàn vẹn và độ tin cậy của dữ liệu trong suốt quá trình xử lý. Đặc biệt, các vấn đề như phục hồi DLĐT, kiểm tra tính toàn vẹn sau khi phục hồi, hay giá trị pháp lý của dữ liệu đã phục hồi vẫn chưa được quy định rõ ràng. Thực tiễn cho thấy, trong nhiều vụ án, dữ liệu bị xóa, sửa hoặc hủy hoại trước khi bị phát hiện, nhưng việc khai thác và sử dụng dữ liệu phục hồi

làm chứng cứ còn gặp nhiều khó khăn do thiếu cơ sở pháp lý cụ thể.

Bên cạnh đó, còn thiếu thống nhất giữa các văn bản pháp luật có liên quan. Trong khi BLTTHS năm 2015 sử dụng khái niệm “dữ liệu điện tử”, thì Luật giao dịch điện tử năm 2023 lại sử dụng thuật ngữ “thông điệp dữ liệu” và quy định về giá trị chứng cứ của loại thông tin này. Sự không đồng bộ về thuật ngữ và cách tiếp cận làm gia tăng khoảng trống pháp lý, ảnh hưởng đến việc áp dụng thống nhất trong thực tiễn.

Từ những bất cập nêu trên có thể thấy, vấn đề cốt lõi của pháp luật tố tụng hình sự Việt Nam hiện nay không chỉ là thiếu quy định chi tiết, mà là chưa thiết lập được nền tảng khái niệm đối với chứng cứ điện tử. Việc không tách bạch giữa dữ liệu và chứng cứ, cũng như thiếu cơ chế chuyển hóa rõ ràng, đã làm hạn chế khả năng đánh giá, sử dụng và kiểm chứng chứng cứ điện tử trong tố tụng hình sự. Đây chính là “điểm nghẽn” cần được tháo gỡ trong quá trình hoàn thiện pháp luật, đặc biệt trong bối cảnh chuyển đổi số đang làm thay đổi căn bản phương thức vận hành của hoạt động tố tụng.

Từ thực trạng quy định của BLTTHS Việt Nam và kinh nghiệm quốc tế, có thể thấy việc hoàn thiện chế định chứng cứ điện tử cần được bắt đầu từ việc xác lập lại nền tảng khái niệm theo một logic rõ ràng và đồng bộ. Theo đó, định hướng sửa đổi, bổ sung các quy định cần tập trung vào ba nội dung cốt lõi: (i) Tách bạch giữa DLĐT

và chứng cứ điện tử; (ii) Thừa nhận chứng cứ điện tử là một loại chứng cứ độc lập trong hệ thống chứng cứ; (iii) Thiết lập cơ chế pháp lý rõ ràng cho quá trình chuyển hóa từ DLĐT thành chứng cứ điện tử. Đây là tiền đề quan trọng trực tiếp để xây dựng một khái niệm khoa học và có khả năng vận hành trong thực tiễn tố tụng.

Trên cơ sở đó, tác giả đề xuất khái niệm về chứng cứ điện tử như sau: *“Chứng cứ điện tử là dữ liệu được tạo lập, lưu trữ hoặc truyền đi bằng phương tiện điện tử, được thu thập hợp pháp, kiểm tra và xác thực theo quy định của pháp luật, có giá trị chứng minh trong vụ án hình sự”*.

Nhận thức chung này phản ánh một cấu trúc pháp lý ba tầng, thể hiện đầy đủ bản chất của chứng cứ điện tử trong môi trường số.

*Thứ nhất*, DLĐT với tư cách là nguồn. Dữ liệu điện tử là điểm khởi đầu của quá trình chứng minh, bao gồm toàn bộ thông tin tồn tại dưới dạng số như ký hiệu, chữ viết, hình ảnh, âm thanh hoặc dạng tương tự được tạo lập, lưu trữ và truyền đi bằng phương tiện điện tử. Tuy nhiên, ở giai đoạn này, dữ liệu chỉ mang tính “nguyên liệu thô”, chưa có giá trị chứng cứ nếu chưa được kiểm tra và đánh giá theo các tiêu chí tố tụng.

*Thứ hai*, xác thực và kiểm tra với tư cách là điều kiện. Đây là yếu tố có ý nghĩa quyết định, thể hiện quá trình chuyển hóa dữ liệu thành chứng cứ. Việc xác thực bao gồm kiểm tra nguồn gốc, chủ thể tạo lập, tính toàn vẹn của dữ liệu, độ tin cậy của

hệ thống và hoàn cảnh hình thành dữ liệu. Đồng thời, yêu cầu thu thập hợp pháp bảo đảm rằng dữ liệu không bị loại trừ do vi phạm trình tự, thủ tục tố tụng. Chính yếu tố này tạo ra ranh giới pháp lý rõ ràng giữa “dữ liệu điện tử” và “chứng cứ điện tử”.

*Thứ ba*, giá trị chứng minh với tư cách là kết quả. Chỉ khi đáp ứng đầy đủ các điều kiện nêu trên, DLĐT mới có thể được sử dụng để chứng minh các tình tiết của vụ án và trở thành chứng cứ theo nghĩa pháp lý. Giá trị chứng minh không phải là thuộc tính tự thân của DLĐT, mà là kết quả của

quá trình đánh giá trong tố tụng, gắn với hoạt động chứng minh và quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng.

Việc xây dựng khái niệm theo hướng này không chỉ có ý nghĩa về mặt lý luận, mà còn tạo nền tảng trực tiếp cho việc hoàn thiện toàn bộ hệ thống quy định về chứng cứ điện tử, từ giá trị chứng cứ, trình tự thu thập, bảo quản đến cơ chế tranh tụng. Qua đó, góp phần bảo đảm tính minh bạch, thống nhất và hiệu quả của hoạt động tố tụng hình sự trong tiến trình chuyển đổi số. □

## TỰ HÀO TRƯỜNG ĐẠI HỌC ...

(Tiếp theo trang 14)

chỉ được khơi dậy từ những thành tựu đã đạt được, mà còn được kết tinh từ chính con người các thế hệ học viên, sinh viên đã trưởng thành, cống hiến và khẳng định mình trong thực tiễn; từ đội ngũ các thầy, cô giáo tận tụy, tâm huyết, đã bền bỉ vun đắp tri thức và truyền lửa nghề nghiệp qua từng giai đoạn. Tất cả đã và đang góp phần làm nên giá trị và tầm vóc của Trường ĐHKH - cái nôi đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của ngành Kiểm sát nhân dân, đồng thời là điểm tựa vững chắc để Nhà trường tiếp tục phát triển, đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của sự nghiệp cải cách tư pháp và xây dựng

Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới. □

### Tài liệu tham khảo:

1. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Lịch sử Viện kiểm sát nhân dân Việt Nam* (Sơ thảo - Lưu hành nội bộ), Nxb. Chính trị Quốc gia, Hà Nội, 2010.
2. Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Kỷ yếu Hội thảo khoa học “Viện kiểm sát nhân dân trong kỷ nguyên mới”* (Kỷ niệm 65 năm thành lập ngành Kiểm sát nhân dân), Hà Nội tháng 6/2025.
3. Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội, *Kỷ yếu “Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội - 50 năm xây dựng và trưởng thành (1970-2020)”*, Hà Nội, 2020.
4. Website “Đảng Cộng sản Việt Nam”.
5. Diễn văn bế mạc Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng do đồng chí Tô Lâm - Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Cộng sản Việt Nam trình bày tại Đại hội.
6. Báo cáo tổng kết công tác các năm 2021, 2022, 2023, 2024 và 2025 của ngành Kiểm sát nhân dân và của Trường Đại học Kiểm sát.
7. Video phóng sự tài liệu về 55 năm xây dựng và phát triển của Trường Đại học Kiểm sát, năm 2025.



VIỆN KIỂM SÁT NHÂN DÂN TỐI CAO

Trụ sở: Số 9 phố Phạm Văn Bạch, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội  
Điện thoại: 024.38255058-801110/Fax: 024.38255400

THE SUPREME PEOPLE'S PROCURACY OF THE S.R.VIETNAM

Headquarters: No. 9 Pham Van Bach, Cau Giay district, Ha Noi, Viet Nam  
Tel: 024.38255058-801110/Fax: 024.38255400